TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC x - THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 62/2026/QĐST-HNGĐ	*Thái Nguyên, ngày 23 tháng 6 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 75/2026/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2026 giữa:

- Nguyên đơn: Anh Nông Văn G, sinh năm 19xx - Địa chỉ: Thôn N, xã T, tỉnh Thái Nguyên.

- Bị đơn: Chị Vi Thị T, sinh năm 20xx. Địa chỉ: Thôn N, xã T, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 6 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 6 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nông Văn G và chị Vi Thị T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nông Văn G và chị Vi Thị T thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Anh Nông Văn G được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con chung là Vi Thanh T1, sinh ngày 30/11/20xx và

Nông Như Q, sinh ngày 15/02/20xx đến khi các con đủ 18 tuổi. Cả hai con chung đều khỏe mạnh, phát triển bình thường.

Sau khi ly hôn T có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

3. Về Tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.6. Về án phí: Anh Nông Văn G tự nguyện chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số: 0002536 ngày 10/6/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên. Trả lại cho anh Nông Văn G số tiền tạm ứng án phí còn lại là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND Khu vực x - Thái Nguyên;
- Phòng THADS khu vực x - Thái Nguyên
- UBND xã C, tỉnh Thái Nguyên (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu HS, VT.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Trần Quang Hoà